

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XUẤT NHẬP KHẨU NT GROUP**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XUẤT NHẬP KHẨU NT GROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NT GROUP TRADING AND IMPORT EXPORT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: NT GROUP TRADING AND IMPORT EXPORT CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2301077560

**3. Ngày thành lập:** 08/01/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Khu phố Lộ Bao, Xã Nội Duệ, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0974028668/0904351328

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                            | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn                                                                                | 1075        |
| 2.  | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                 | 5629        |
| 3.  | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                              | 5630        |
| 4.  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                     | 5610        |
| 5.  | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                             | 5621        |
| 6.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                    | 4101        |
| 7.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                              | 4102        |
| 8.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                         | 4212        |
| 9.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                  | 4222        |
| 10. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                       | 4329        |
| 11. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                       | 4330        |
| 12. | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                       | 4631        |
| 13. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                   | 4632        |
| 14. | Bán buôn đồ uống                                                                                                     | 4633        |
| 15. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                 | 4641        |
| 16. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                   | 4649        |
| 17. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                              | 4663        |
| 18. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                    | 4669(Chính) |
| 19. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                    | 4690        |
| 20. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp | 4711        |
| 21. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                       | 4723        |

|     |                                                                                                      |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 22. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ                     | 4781 |
| 23. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                  | 4931 |
| 24. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt                                             | 5221 |
| 25. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy                                            | 5222 |
| 26. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không                                            | 5223 |
| 27. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                              | 5225 |
| 28. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                                                  | 5229 |
| 29. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                  | 4511 |
| 30. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                   | 4652 |
| 31. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                               | 4653 |
| 32. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                   | 4719 |
| 33. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                     | 4722 |
| 34. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh | 4752 |
| 35. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                             | 4761 |
| 36. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh                                             | 4773 |
| 37. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê                | 6810 |
| 38. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất                                    | 6820 |
| 39. | Cho thuê xe có động cơ                                                                               | 7710 |
| 40. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                       | 7730 |
| 41. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                | 8121 |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

### 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRẦN THỊ NHUNG | Thôn Ngang, Xã Hiên Vân, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam                      | 5.000.000.000         | 50,000    | 125064756                                                                                                                                         |         |

|   |                   |                                                                           |               |        |           |  |
|---|-------------------|---------------------------------------------------------------------------|---------------|--------|-----------|--|
| 2 | NGUYỄN<br>THỊ TÂM | Thôn Xuân Hội, Xã<br>Lạc Vệ, Huyện Tiên<br>Du, Tỉnh Bắc Ninh,<br>Việt Nam | 5.000.000.000 | 50,000 | 125159831 |  |
|---|-------------------|---------------------------------------------------------------------------|---------------|--------|-----------|--|

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN THỊ NHUNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 28/08/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 125064756

Ngày cấp: 20/03/2015

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Ninh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Ngang, Xã Hiên Vân, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Khu phố Lộ Bao, Xã Nội Duệ, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh